

Bản án số: **68/2023/HS-ST**
Ngày: 21-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Giới
Ông Lê Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 57/2022/QĐXXST-HS ngày 04/8/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Kim T**, sinh năm 1996; tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Kim S (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1968. Bị cáo sống chung như vợ chồng với Phạm Thị Mỹ T, sinh năm 1999 và có 01 con chung sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2023 cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*)

**Bị hại:* Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983 (vợ anh D); Cùng địa chỉ: Khu phố L, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B. (*xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Võ Kim T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 28/4/2020, Võ Kim T đến tiệm điện thoại di động mang tên Martphone của gia đình anh Nguyễn Hữu D tại ấp Chợ, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để nhờ chuyển tiền vào số tài khoản của T. T đưa cho anh D số tiền 3.000.000 đồng để anh D chuyển vào số tài khoản 050086544161 mang tên T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) thì anh D đồng ý. Lúc này, anh D sử dụng ứng dụng Viettel Pay trên điện thoại để chuyển tiền cho T nhưng do không đủ tiền trong tài khoản nên anh D đã chuyển khoản trước cho T số tiền 800.000 đồng, còn 2.200.000 đồng sẽ chuyển khoản sau cho T thì T đi về. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, anh D nói vợ mình là chị Nguyễn Thị T1 chuyển khoản số tiền 2.200.000

đồng cho T. Sau đó, chị T1 dùng điện thoại của mình có ứng dụng Viettel Pay để chuyển tiền nhưng khi chuyển chị T1 đã chuyển nhầm cho T số tiền 22.000.000 đồng. Cùng ngày, khi biết anh D chuyển nhầm số tiền 19.800.000 đồng vào tài khoản của mình, T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã sử dụng để chơi game hết.

Sau khi phát hiện chị T1 chuyển nhầm tiền cho T thì anh D đã liên hệ yêu cầu T trả lại số tiền 19.800.000 đồng nhưng T không trả nên ngày 07/5/2020 anh D trình báo vụ việc đến Công an xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú. Đến nay, T vẫn chưa trả lại số tiền đã chiếm đoạt của gia đình anh D.

Tại bản cáo trạng số 57/CTr-VKS ngày 06 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Võ Kim T về tội “*Chiếm giữ trái phép tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Kim T phạm tội “*Chiếm giữ trái phép tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 176; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Võ Kim T mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị chấp đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho bị hại số tiền 19.800.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội nói trên, khẳng định là việc truy tố là đúng người đúng tội, không oan sai;

Trong phần tranh luận, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước công bố bản luận tội, bị cáo Võ Kim T không có tranh luận gì về phần tội danh mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành Tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định trên. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Bị hại Nguyễn Hữu D và Nguyễn Thị T1 có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của bị hại nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Kim T khai nhận như nội dung cáo trạng số 57/CTr-VKS ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã truy tố. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị

hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng vụ án, đồng thời phù hợp với kết luận của đại diện Viện kiểm sát cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 28/4/2020, Võ Kim T đã có hành vi cố tình chiếm giữ, sử dụng vào mục đích cá nhân số tiền 19.800.000 đồng của anh Nguyễn Hữu D, chị Nguyễn Thị T1 đã chuyển khoản nhằm vào số tài khoản của T, mặc dù anh D đã nhiều lần yêu cầu bị cáo trả lại số tiền nói trên. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự.

Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhận thấy khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo biết rõ số tiền 19.800.000 đồng là do anh D, chị T1 chuyển nhằm vào tài khoản của mình nhưng bị cáo đã cố tình không trả lại mặc dù đã được anh D yêu cầu trả lại; bị cáo đã sử dụng số tiền nói trên vào mục đích cá nhân của mình ngay sau khi bị hại chuyển nhằm số tiền nói trên vào tài khoản của bị cáo; bị cáo nhận thức được việc chiếm giữ trái phép tài sản của người khác và không trả lại cho chủ sở hữu là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân, mục đích để biến tài sản của người khác làm của mình mà không phải mất công sức lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi như đã phân tích ở trên.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy ngay sau khi biết được bị hại chuyển nhằm tiền vào tài khoản của mình vào ngày 28/4/2020, bị cáo đã nảy sinh ý định và chiếm đoạt số tiền nói trên để sử dụng vào mục đích cá nhân, không có thiện chí trả lại tiền cho bị hại mặc dù bị hại đã yêu cầu trả nhiều lần. quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo không khắc phục hậu quả của việc phạm tội. Điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử xét nhận thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú truy tố bị cáo Võ Kim T phạm tội “*Chiếm giữ trái phép tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Kết luận của đại diện Viện kiểm sát về phần hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở được Hội đồng xét xử cân nhắc.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Hữu D và chị Nguyễn Thị T1 yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 19.800.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Võ Kim T cũng đồng ý trả lại cho bị hại số tiền nói trên nhưng đề nghị được trả làm nhiều lần, mỗi tháng là 5.000.000 đồng là thiếu thiện chí, đây dựa trong việc khắc phục hậu quả nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền đã chiếm giữ của bị hại là 19.800.000 đồng.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự bị cáo Võ Kim T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 176; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Kim T phạm tội **“Chiếm giữ trái phép tài sản”**

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Võ Kim T 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Hữu D, chị Nguyễn Thị T1 số tiền 19.800.000 đồng (*Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng*).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Kim T phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 990.000 (*Chín trăm chín mươi nghìn*) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước (01);
- VKSND tỉnh Bình Phước (01)
- VKSND huyện Đồng Phú (01);
- THADS huyện Đồng Phú (01);
- P.V 06 –CA tỉnh Bình Phước (01)
- Công an huyện (03 gồm Nhà tạm giữ, Đội hồ sơ nghiệp vụ, Đội điều tra CA huyện) (01)
- TT lý lịch tư pháp – Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng (01);
- Lưu (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

